

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2020

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thảo.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã A: Bà Nguyễn Thị Chung-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê H**, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 01, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Lê B**, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 10 (nay là Tổ 5), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê H trình bày:

Chị H và anh Lê B tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị H và anh B chung sống hạnh phúc được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống. Chị H và anh B đã không còn chung sống như vợ chồng từ tháng 11/2017 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị H yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết ly hôn với anh Lê B.

Về con chung: Chị H và anh B không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê B vắng mặt, không gửi văn bản nêu ý kiến của mình nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê H được ly hôn với anh Lê B. Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản không có và nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê H yêu cầu ly hôn với anh Lê B; địa chỉ: Tổ 10 (nay là Tổ 5), phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê H và anh Lê B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh B có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống dẫn đến kinh cãi nhiều lần nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh B đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/2017, không ai còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Mặt khác anh B nhiều lần được Tòa án triệu tập tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy anh B đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân với chị H nữa. Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Lê H yêu cầu xin ly hôn với anh Lê B là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về con: Chị H và anh B không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Lê H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Lê B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê H:

- *Về hôn nhân*: Cho chị Lê H ly hôn với anh Lê B.

- *Về án phí*: Chị Lê H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004251 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (28/5/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường T, TX A;
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo Nguyễn Thị Thanh Bình

Lê Long Sơn